TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/5/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới: Bà Võ Thị Hoàng Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Kim A, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn , xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Anh D, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn , xã L, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/11/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh D quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2001, tại UBND thị trấn B, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2001. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó xẩy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình

không hợp nhau, cải nhau, xúc phạm nhau, cả hai đã cố gắng cải thiện cuộc sống nhưng không đưa lại kết quả, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, hiện tại đã sống ly thân không ai quan tâm ai. Nay chị A thấy tình cảm giữa chị và anh D không còn thương yêu nhau nên mong muốn được ly hôn.

- Về anh Phạm Anh D trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã gửi giấy triệu tập cho anh D nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt theo giấy triệu tập của Toà án, cũng không có ý kiến phản hồi về việc chị A xin ly hôn. Toà án đã cùng chính quyền địa phương đến tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D từ chối nhận.

2. Về nuôi con chung: Theo trình bày của chị A, chị và anh D có 02 con chung Phạm Nữ Phan A, sinh ngày 05/01/2002, Phạm Nữ Phan N, sinh ngày 15/10/2016. Sau khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con 2.000.000đ một tháng. Anh D Toà án triệu tập không đến nên không có ý kiến.

3. Về chia tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên toà xác định được chị A và anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2001, tại UBND thị trấn B, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2001. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó xẫy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp nhau, cải nhau, xúc phạm nhau, hiện tại không ai quan tâm ai, tình cảm không còn thương yêu nhau. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147, 207 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; xử cho chị A được ly hôn anh D. Giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng buộc anh D đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Án phí chị A và anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên toà, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Kim A có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc xin ly hôn giữa chị và anh D, anh D có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Nhưng chị A có mặt còn anh D vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2019 và tống đạt các văn bản tố tụng nói trên theo quy định tại Điều 172 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị A, anh D đến tham gia phiên tòa vào ngày 06/5/2019 nhưng anh D vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất, Toà án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để ra Quyết định hoãn phiên toà. Sau đó Toà án tống đạt Quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập cho chị A, anh D theo quy định tại Điều 172 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử lần hai vào ngày 29/5/2019 nhưng anh D vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phan Kim A và anh Phạm Anh D có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2001, tại UBND thị trấn B, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 01, quyển số 01/2001, việc kết hôn của anh, chị đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh, chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mà cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự thông cảm chia sẽ trong đời sống vợ chồng, thiếu sự tôn trọng nhau, cải nhau. Tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau đặc biệt từ tháng 11/2018 cho đến nay không quan tâm nhau. Tại phiên toà chị A xác định tình cảm của chị đối với anh D hiện nay thật sự không còn thương yêu nhau, không thể xây dựng hạnh phúc gia đình, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D. Qua nghị án Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh D đến để hòa giải việc xin ly hôn giữa anh, chị nhưng anh đã từ chối nhận văn bản tố tụng nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình, qua hai lần xét xử anh D không có mặt và cũng không có ý kiến phản hồi về việc chị A xin ly hôn với anh, thể hiện anh không thiết tha gì đối với hôn nhân của mình mà đã bỏ mặc, không quan tâm nhau. Tình trạng hôn nhân của chị A và anh D không thể khắc phục được, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không ai quan tâm ai. Do đó, xử cho chị A được ly hôn anh D theo nguyện vọng của chị A là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Theo chị A khai chị và anh D có 02 con chung Phạm Nữ Phan A, sinh ngày 05/01/2002, Phạm Nữ Phan N, sinh ngày 15/10/2016, chị A có nguyện vọng xin được nuôi hai con chung. Tại phiên toà và trong quá trình giải quyết vụ án anh D không đến Toà án nên không có nguyện vọng về việc nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện của chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con sau ly hôn là chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của người mẹ đối với con cái, còn anh D không có mặt tại Toà án nên không có nguyện vọng về việc nuôi con. Hơn nữa, hiện nay hai cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của

người mẹ hơn, trong thời gian anh, chị không quan tâm nhau chị A cũng là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu bảo đảm tốt về mọi mặt và theo đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phan A xin được cùng ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận nguyện vọng của chị A giao hai con chung cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh D đóng góp tiền nuôi con cùng chị A mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Phan N đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về chia tài sản: Chị Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội 14.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Anh D không phải chịu. Chị Phan Kim A phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000720 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Phan Kim A không phải chịu. Anh Phạm Anh D phải chịu 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, 35, 39, 47; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Kim A và anh Phạm Anh D.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Phạm Nữ Phan A, sinh ngày 05/01/2002, Phạm Nữ Phan N, sinh ngày 15/10/2016 cho chị Phan Kim A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, buộc anh Phạm Anh D có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con cùng chị A mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Phan N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Phan Kim A không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Anh D không phải chịu. Chị Phan Kim A phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000720 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Chị Phan Kim A không phải chịu. Anh Phạm Anh D phải chịu 300.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND TT B;
huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc